

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 18 – 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 tại xã NH; Nơi cư trú: K 1, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chiến T1 (chết) và bà Lê Thị A, sinh năm 1959; anh (chị) em ruột: 04 người; vợ: Lê Thị Thu H (đã ly hôn); con: Không; tiền sự: Không; tiền án: 01 (ngày 09/12/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xử phạt 07 năm tù về tội cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 09/10/2016); nhân thân: xấu. Bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 26/12/2018 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Võ Trọng N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp MĐ, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp MĐ, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Cao Trường A1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Trần Út E, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 21/12/2018, Nguyễn Văn T đi đến nhà của Cao Trường A1 ngụ ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau chơi và ngủ qua đêm tại nhà A1. Đến khoảng 09 giờ ngày 22/12/2018 T thức dậy và rủ A1 mang gà qua ĐD đá chơi, T không nói đá ở đâu, A1 đồng ý. A1 bắt con gà trống tre bỏ vào cốp xe Honda Airblade, biển kiểm soát 69N1 – 169.60 do A1 thuê của dịch vụ xe số 79 rồi chở Tèo từ nhà đi qua ĐD và đi về hướng Cống Ngã Tư Xóm Ruộng thuộc khóm 4, thị trấn ĐD ghé vào quán cà phê vông để uống cà phê và nằm vông ngủ, trong lúc nằm vông uống cà phê có Trần Út E (bạn của A1) ghé lại cùng uống cà phê.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T kêu A1 điều khiển xe chở Tèo chạy qua cầu treo và chạy về hướng ấp MĐ, xã TAK, huyện ĐD, lúc này Út E cũng điều khiển xe chạy theo T và A1. Khi A1 điều khiển xe qua bến phà Mương Đường thì A1 quay đầu xe chạy về, trên đường về thì T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của anh Võ Trọng N 01 con gà nòi trọng lượng 2,5kg và của anh Nguyễn Văn N1 01 con gà nòi trọng lượng 2,3kg.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản số 20 ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi kết luận: Thịt gà nòi vườn giá 120.000đ x 4,8 kg = 576.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 69N1 – 169.60 đã trả lại cho anh Huỳnh Hữu T1 chủ dịch vụ cho thuê xe 79, Trương Vĩnh T2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 69F1 – 460.56 đã trả cho anh Trần Út E; 01 con gà nòi trọng lượng 2,5kg đã trả lại cho anh Võ Trọng N; 01 con gà nòi trọng lượng 2,3kg đã trả lại cho anh Nguyễn Văn N1; 01 con gà tre trọng lượng 1,4kg đã trả lại cho anh Cao Trường A1.

Từ những tình tiết nêu trên, tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng trong vụ án đã được trả cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí hình sự: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố, cụ thể: Vào ngày 22/12/2018, tại ấp MĐ, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau Nguyễn Văn T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản nên lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt của anh Võ Trọng N 01 con gà nòi trọng lượng 2,5kg và của anh Nguyễn Văn N1 01 con gà nòi trọng lượng 2,3kg, giá trị tài sản theo định giá là 576.000đ.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, bất chấp và xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo phạm tội có nhân thân xấu, phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, không tiền sự. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử có xem xét việc bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xử phạt 07 năm tù về tội cướp tài sản, thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Tèo từ 06 đến 09 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đó là, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để bị cáo có thời

gian suy nghĩ về việc làm của mình, cũng như có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo trộm đã được trả cho bị hại và các bị hại cũng không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng trong vụ án là 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 69N1 – 169.60, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 69F1 – 460.56, 01 con gà nòi trọng lượng 2,5kg, 01 con gà nòi trọng lượng 2,3kg, 01 con gà tre trọng lượng 1,4kg đã được trả lại cho anh Huỳnh Hữu T1, anh Trần Út E, anh Võ Trọng N, anh Nguyễn Văn N1, anh Cao Trường A1 là chủ sở hữu của các tài sản nêu trên và các chủ sở hữu cũng không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí hình sự: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 23/12/2018.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thịnh

